



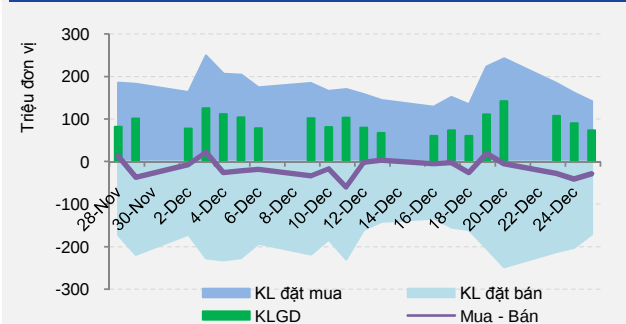
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 25/12/2013

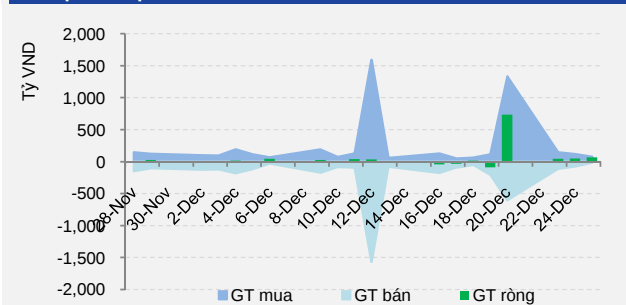
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	504.4	68.2
% Thay đổi	↓ -0.2%	↑ 0.1%
KLGD (CP)	73,405,593	47,045,202
GTGD (tỷ đồng)	964.74	382.59
Tổng cung (CP)	170,861,770	76,629,800
Tổng cầu (CP)	142,331,980	89,881,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	765,950	256,174
KL mua (CP)	2,742,260	885,034
GTmua (tỷ đồng)	80.43	12.47
GT bán (tỷ đồng)	11.95	3.44
GT ròng (tỷ đồng)	68.48	9.03

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.18%	7.1	1.6	2.8%
Công nghiệp	↑ 0.09%	248.6	1.1	21.3%
Dầu khí	↑ 0.29%	7.7	1.5	3.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.01%	14.4	1.9	5.1%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.06%	8.8	2.9	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.32%	12.4	4.9	13.1%
Ngân hàng	↓ -0.33%	10.6	1.2	4.9%
Nguyên vật liệu	↓ -0.07%	10.2	2.0	8.1%
Tài chính	↓ -0.36%	15.8	2.3	34.8%
Tiền tệ Cộng đồng	↑ 0.01%	8.9	3.2	5.4%
VN - Index	↓ -0.24%	12.8	2.9	71.6%
HNX - Index	↑ 0.13%	17.4	1.6	28.4%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	3,259,520	3.6%	1,542,080	1.7%
GTGD (tỷ VND)	174,904	14.0%	24,072	1.9%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index giảm điểm phiên thứ hai liên tiếp với thanh khoản tiếp tục giảm so với phiên trước. Mức độ giảm điểm toàn thị trường chung không lớn, chịu tác động chủ yếu của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như VIC, VCB, VNM, BVH. Tuy nhiên, tốc độ giao dịch chậm, lượng cổ phiếu giảm điểm chiếm đa số, lực cầu bắt đáy khi VN-Index chạm ngưỡng hỗ trợ 503 điểm chưa mạnh cho thấy tâm lý nhà đầu tư còn khá thận trọng.

Chỉ số HNX-Index tăng điểm trở lại sau phiên giảm điểm trước đó, khi giảm xuống ngưỡng hỗ trợ 67 điểm. Phiên tăng điểm với thanh khoản giảm, KLGD tập trung vào một nhóm cổ phiếu chưa cho tín hiệu đủ tích cực về lực cầu và không phản ánh sát thị trường chung. Xét về chỉ số chung, HNX-Index vẫn cho tín hiệu tích cực về xu hướng tăng điểm ngắn hạn.

Chúng tôi duy trì quan điểm chỉ số VN-Index dao động tích lũy trong khoảng 503-513 điểm. Trong xu hướng chung thị trường dao động tích lũy, vấn đề quan trọng là lựa chọn cổ phiếu được dòng tiền quan tâm, ưu tiên yếu tố cơ bản của cổ phiếu. KQKD Q4, ngành nghề dự kiến được hưởng lợi trong năm 2014 như xây dựng hạ tầng, BĐS, xuất khẩu dự kiến sẽ là tiêu chí được nhà đầu tư quan tâm khi lựa chọn cổ phiếu.

- VN-Index giảm 1.20 điểm (0.24%), xuống 504.42 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 503.03 điểm.

- HNX-Index tăng 0.09 điểm (0.13%), lên 68.21 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 67.89 điểm.

- Chính phủ vừa ban hành Nghị định 210, có hiệu lực từ 10/2/2014, với nhiều ưu đãi lớn cho đầu tư nông nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp sẽ được hỗ trợ đầu tư và hưởng ưu đãi nhiều ưu đãi giảm 70% tiền sử dụng đất, ưu đãi vốn đầu tư. Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất. Như vậy ngoài định hướng tập trung dòng tín dụng vào lĩnh vực ưu tiên như xuất khẩu, nông nghiệp nông thôn, quy định này của Chính phủ cho thấy quan điểm chú trọng ưu tiên phát triển nông nghiệp, ngành nghề có lợi thế của Việt Nam. Việc hỗ trợ đầu tư gắn liền với phát triển vùng nguyên liệu cũng là định hướng tích cực nhằm phát huy khả năng cạnh tranh của ngành, trong bối cảnh các hiệp định thương mại đang dần quan tâm đến nguồn gốc xuất xứ sản phẩm.

- Theo Thống đốc NHNN, tính đến thời điểm này, 9 ngân hàng TMCP yếu kém đã được xử lý. Thương vụ GPBank bán cho đối tác ngoại - Tập đoàn UOB (Singapore), khâu đàm phán đã cơ bản hoàn tất, cơ bản thống nhất xong về giá cả. Hiện phía GPBank vẫn đang muốn đàm phán tăng thêm giá của một số tài sản. Khả năng, thương vụ này sẽ diễn ra vào đầu năm 2014, mở màn cho làn sóng M&A trong lĩnh vực ngân hàng. Ngoài 9 Ngân hàng đã xử lý, NHNN đã phát hiện thêm 8 TCTD yếu kém, trong đó có 2 ngân hàng TMCP. Hoạt động M&A trong lĩnh vực Ngân hàng dự kiến sẽ sôi động hơn trong năm 2014, khi Chính phủ xem xét nơi room cổ phần sở hữu của đối tác ngoại với các ngân hàng yếu kém và yêu cầu thoái vốn đầu tư ngoài ngành của DNNN.

- Tính đến giữa tháng 12/2013, có 21.6 tỷ USD vốn FDI đổ vào Việt Nam, tăng mạnh 54.5% so với cùng kỳ năm trước. Trong số này, có 14.3 tỷ USD của 1,275 dự án cấp mới, tăng 70.5% và 7.3 tỷ USD vốn tăng thêm của 472 lượt dự án, tăng 30.8%. Vốn FDI thực hiện năm 2013 ước đạt 11.5 tỷ USD, tăng 9.9% so với năm 2012.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Đi ngang	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm 1.20 điểm (0.24%), xuống 504.42 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 503.03 điểm.

- KLGD giảm 16% so với phiên trước, xuống 70 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tiếp tục giảm xuống mức 47 điểm, tâm lý thị trường khá thận trọng. Chỉ báo MACD 9 ngày tiếp tục nói rộng khoảng cách ở phía dưới đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số VN-Index giảm điểm phiên thứ hai liên tiếp với thanh khoản tiếp tục giảm so với phiên trước. Mức độ giảm điểm toàn thị trường chung không lớn, chịu tác động chủ yếu của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như VIC, VCB, VNM, BVH. Tuy nhiên, diễn biến giao dịch chậm, lượng cổ phiếu giảm điểm chiếm đa số, lực cầu bắt đáy khi VN-Index chạm ngưỡng hỗ trợ 503 điểm chưa mạnh cho thấy tâm lý nhà đầu tư còn khá thận trọng.

Chúng tôi duy trì quan điểm thị trường dao động tích lũy trong khoảng 503-513 điểm trong ngắn hạn. Trong xu hướng chung thị trường dao động tích lũy, vấn đề quan trọng là lựa chọn cổ phiếu được dòng tiền quan tâm, ưu tiên yếu tố cơ bản của cổ phiếu.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.09 điểm (0.13%), lên 68.21 điểm. Mức thấp nhất thiết lập trong phiên là 67.89 điểm.

- KLGD giảm 17% so với phiên trước, xuống 42 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 duy trì ở mức 79, vẫn ở mức quá mua. Chỉ báo MACD 9 ngày tiếp tục nói rộng khoảng cách phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tăng điểm trở lại sau phiên giảm điểm trước đó, khi giảm xuống ngưỡng hỗ trợ 67 điểm. Phiên tăng điểm với thanh khoản giảm, KLGD tập trung vào một nhóm cổ phiếu chưa cho tín hiệu đủ tích cực về lực cầu. Tuy nhiên xét về chỉ số chung, HNX-Index vẫn cho tín hiệu tích cực về xu hướng tăng điểm ngắn hạn.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	42.5%	132.5%	219.0%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	340.6%	79.4%	1278.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	4900.0%
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	-21.5%	102.3%	2949.0%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	4492.0%
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	1130.0%
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	3879.0%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	4900.0%
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	8.8%	129.7%	2329.0%
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	71.8%	129.1%	4503.0%

CỔ PHIẾU CÓ KẾT QUẢ KINH DOANH LỖ TRONG 2 NĂM LIÊN TIẾP VÀ 9T/2013

STT	Mã	Sàn	LNST 2011	LNST 2012	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2012	LNSTQ2 (tỷ)	% so Q2.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	LNST 9T (tỷ)	% so 9T.2012
1	GGG	HNX	(65.26)	(27.34)	0.07	100.8%	(7.05)	11.8%	(7.01)	6.8%	(13.99)	42.6%
2	HHL	HNX	(12.96)	(14.13)	(0.78)	80.5%	(2.89)	20.8%	(0.75)	48.3%	(4.42)	51.4%
3	ILC	HNX	(31.81)	(9.76)	(3.74)	-94.8%	(5.22)	31.9%	(3.41)	-1520.8%	(12.37)	-32.3%
4	KSD	HNX	(16.43)	(34.90)	(0.81)	95.9%	(1.62)	88.1%	1.11	223.3%	(1.32)	96.1%
5	MIC	HNX	(15.16)	(9.73)	0.16	106.0%	0.10	102.1%	(1.07)	-136.9%	(0.81)	82.4%
6	MMC	HNX	(2.78)	(3.96)	(2.74)	-3.4%	(1.04)	-79.3%	(1.17)	-20.6%	(4.95)	-17.9%
7	PHS	HNX	(47.39)	(101.47)	(2.27)	83.6%	(3.73)	89.8%	(8.13)	48.8%	(14.13)	78.7%
8	PVA	HNX	(2.16)	(144.87)	(2.43)	-169.8%	(16.29)	-1562.2%	(3.71)	70.9%	(22.43)	-118.8%
9	PVX	HNX	(19.12)	(1,338.39)	(31.87)	-578.5%	(1,194.45)	-151.7%	(173.22)	-1095.4%	(1,399.54)	-190.2%
10	S96	HNX	(46.90)	(5.15)	(0.79)	13.2%	(0.19)	79.3%	(0.31)	80.3%	(1.29)	62.1%
11	SDB	HNX	(28.93)	(35.74)	(8.37)	-46.8%	(14.75)	-38.6%	(9.89)	-5.2%	(33.01)	-28.2%
12	SDY	HNX	(17.88)	(4.83)	(4.01)	-56.0%	(3.68)	-183.1%	(0.81)	-143.1%	(8.50)	-327.1%
13	SHN	HNX	(146.02)	(127.02)	(2.70)	84.4%	(53.16)	22.0%	(6.75)	72.0%	(62.61)	42.9%
14	SJM	HNX	(8.38)	(11.54)	(0.91)	-175.8%	0.23	103.5%	0.07	102.3%	(0.61)	93.9%
15	VCV	HNX	(6.54)	(44.15)	(9.80)	-230.0%	(15.31)	-42.3%	(6.80)	30.7%	(31.91)	-35.6%
16	VHH	HNX	(3.77)	(1.34)	(1.98)	-275.2%	0.25	-51.9%	(1.29)	32.8%	(3.02)	-1018.5%
17	VTC	HNX	(7.55)	(3.28)	(2.53)	23.3%	(0.80)	28.6%	0.26	117.9%	(3.07)	47.7%

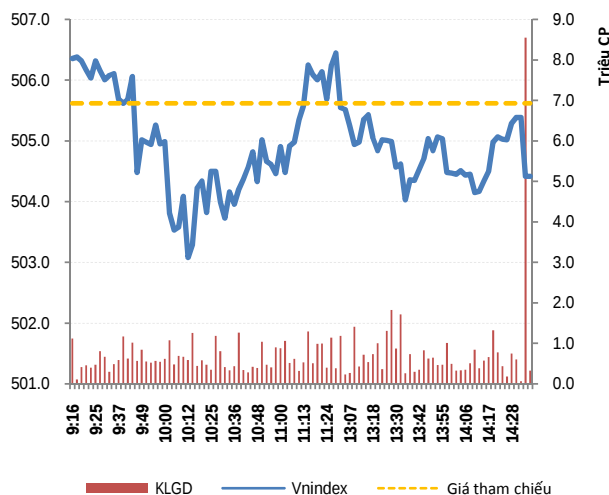
Ghi chú: Top cổ phiếu lợi nhuận chỉ lọc những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 11/12/2013

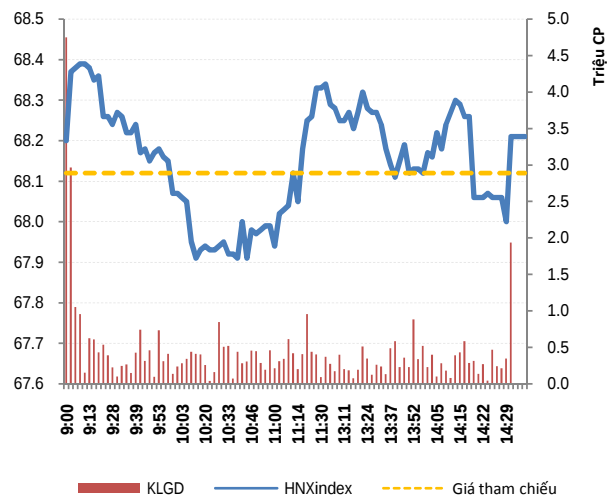
EPS tính theo 4 quý gần nhất, BVPS tính theo BCTC gần nhất



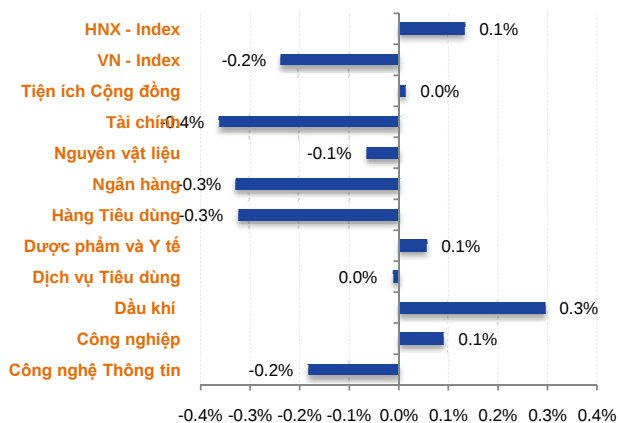
KLGD và VN-Index trong phiên



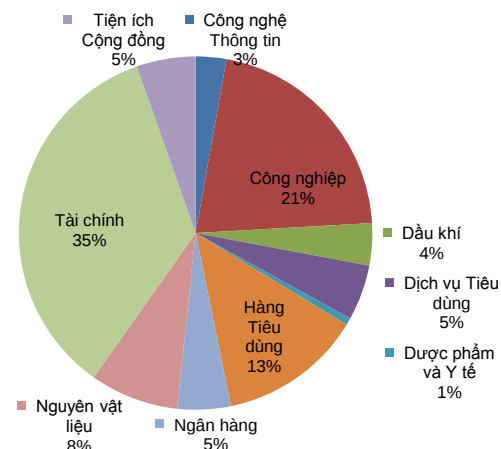
KLGD và HNX-Index trong phiên



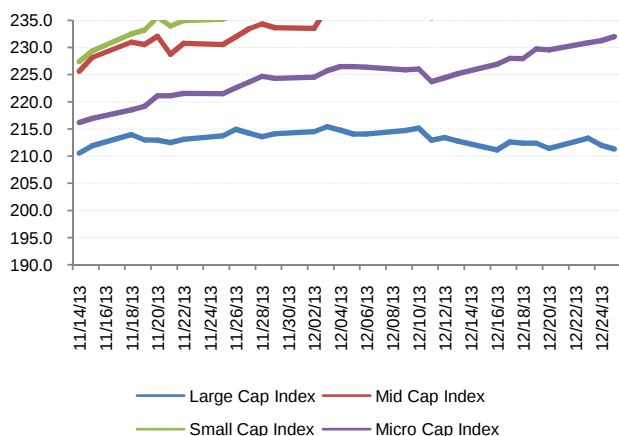
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



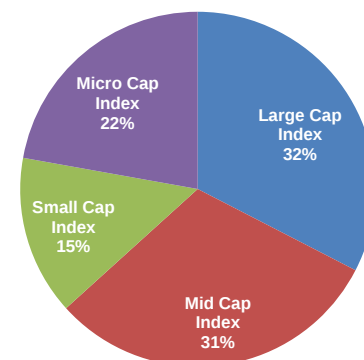
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PNJ	457,710	KBC	135,000
2	VSH	323,540	CII	49,090
3	VCB	282,750	ITA	48,320
4	HPG	200,000	HVG	39,960
5	MSN	113,460	PXT	38,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	224,726	SCR	56,100
2	PVX	110,000	PVG	38,000
3	VND	40,000	BCC	21,800
4	BVS	30,000	S96	12,000
5	TXM	30,000	ITQ	10,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
FLC	11.0	10.6	↓	-3.64%	8,408,520
HQC	8.0	8.4	↑	5.00%	8,036,080
ITA	6.6	6.6	→	0.00%	4,018,920
DLG	5.2	5.1	↓	-1.92%	1,955,250
MCG	5.6	5.8	↑	3.57%	1,872,590

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
PVX	3.0	3.3	↑	9.53%	8,692,289
SCR	7.9	8.0	↑	1.11%	4,937,945
NVB	6.7	6.5	↓	-2.63%	2,780,500
KLF	17.3	16.4	↓	-4.92%	2,757,100
PVS	20.5	20.4	↓	-0.71%	1,947,196

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SJS	16.2	17.3	1.1	↑ 6.79%
TMS	26.5	28.3	1.8	↑ 6.79%
HSI	4.5	4.8	0.3	↑ 6.67%
VOS	4.5	4.8	0.3	↑ 6.67%
TDW	15.2	16.2	1.0	↑ 6.58%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDC	6.4	7.4	1.0	↑ 15.63%
SHN	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
PVB	16.1	17.7	1.6	↑ 9.94%
C92	12.1	13.3	1.2	↑ 9.92%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	1.4	1.3	-0.1	↓ -7.14%
CTI	11.5	10.7	-0.8	↓ -6.96%
STG	20.9	19.5	-1.4	↓ -6.70%
CCI	10.9	10.2	-0.7	↓ -6.42%
TYA	8.5	8.0	-0.5	↓ -5.88%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
V21	6.0	5.4	-0.6	↓ -10.00%
VAT	4.0	3.6	-0.4	↓ -10.00%
KMT	4.2	3.8	-0.4	↓ -9.52%
BKC	15.0	13.6	-1.4	↓ -9.49%
VTS	12.4	11.2	-1.2	↓ -9.40%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	8,408,520	6.3%	990	10.7	0.7
HQC	8,036,080	4.2%	452	18.6	0.8
ITA	4,018,920	0.2%	26	256.1	0.6
DLG	1,955,250	0.2%	21	239.7	0.5
MCG	1,872,590	0.3%	42	137.0	0.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	8,692,289	-92.1%	(5,013)	-	0.9
SCR	4,937,945	-1.1%	(160)	-	0.5
NVB	2,780,500	-2.8%	(306)	-	0.6
KLF	2,757,100	5.8%	880	18.5	1.5
PVS	1,947,196	17.3%	2,872	7.1	1.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SJS	↑ 6.8%	-9.2%	(1,433)	-	1.1
TMS	↑ 6.8%	14.6%	3,785	7.5	1.0
HSI	↑ 6.7%	-22.6%	(2,632)	-	0.5
VOS	↑ 6.7%	-5.8%	(540)	-	0.5
TDW	↑ 6.6%	16.4%	2,402	6.7	1.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SDC	↑ 15.6%	6.6%	1,254	5.9	0.4
SHN	↑ 10.0%	-135.7%	(2,464)	-	4.0
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
PVB	↑ 9.9%	21.9%	2,719	6.5	1.3
C92	↑ 9.9%	14.0%	1,730	7.7	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PNJ	457,710	12.1%	2,497	12.7	1.9
VSH	323,540	7.7%	963	15.5	1.2
VCB	282,750	9.8%	1,757	15.3	1.5
HPG	200,000	18.6%	3,913	10.2	1.8
MSN	113,460	2.7%	555	153.1	4.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	224,726	17.3%	2,872	7.1	1.2
PVX	110,000	-92.1%	(5,013)	-	0.9
VND	40,000	10.9%	1,305	8.0	0.8
BVS	30,000	6.9%	1,113	10.5	0.7
TXM	30,000	4.4%	673	8.9	0.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	123,175	40.9%	6,696	9.7	3.7
VNM	113,352	40.5%	8,053	16.9	6.7
VIC	62,702	47.1%	6,710	10.3	3.8
MSN	62,467	2.7%	555	153.1	4.3
VCB	62,107	9.8%	1,757	15.3	1.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,376	7.5%	1,027	15.2	1.1
PVS	9,068	17.3%	2,872	7.1	1.2
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
SHB	6,114	17.1%	1,884	3.7	0.6
OCH	5,480	5.9%	687	39.9	2.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HAR	4.09	3.0%	306	28.5	0.8
CLG	3.87	12.5%	1,402	6.6	0.8
VNE	3.23	0.4%	38	182.6	0.6
PXM	3.21	670.8%	(12,445)	-	(0.2)
DIG	3.20	0.2%	28	471.1	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	7.14	-0.2%	(21)	-	0.4
SHN	4.90	-135.7%	(2,464)	-	4.0
PVX	4.83	-92.1%	(5,013)	-	0.9
PFL	4.58	-16.1%	(1,522)	-	0.4
HHL	4.56	-262.3%	(3,431)	-	2.9



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)